BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

BÁO CÁO

CÔNG KHAI QUY MÔ ĐÀO TẠO VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH CKI, CKII VÀ BSNT NĂM 2020

THÔNG TIN CHUNG

I Tên trường (cơ sở đào tạo NLYT):Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

- Địa chỉ: 72A – Nguyễn Bỉnh Khiêm – Quận Ngô Quyền – TP Hải Phòng
- Điện thoại: 0225.3731907
- Website: www.hpmu.edu.vn
- Fax: 0225.3733351
- Email: contact@hpmu.edu.vn

II Hiệu trưởng: PGS.TS.Nguyễn Văn Khải

- Điện thoại bàn://
- Điện thoại di động: 0912.607.957
- Email: nvkhai@hpmu.edu.vn

III Lãnh đạo trường phụ trách công tác tuyển sinh: PGS.TS.Nguyễn Văn Hùng

- Điện thoại bàn://
- Điện thoại di động: 0913.552.872
- Email: nvhung@hpmu.edu.vn

IV Trưởng phòng đào tạo đại học: TS.Nguyễn Hải Ninh

- Điện thoại bàn://
- Điện thoại di động: 0904.429.991
- Email: nhninh@hpmu.edu.vn

V Trưởng phòng đào tạo sau đại học: PGS.TS.Đinh Văn Thức

- Điện thoại bàn://
- Điện thoại di động: 0793.206.669
- Email: dvthuc@hpmu.edu.vn

Người lập biểu

PGS.TS Đinh Văn Thức

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

Biểu mẫu 01: BCTS-ĐH

BÁO CÁO THỰC HIỆN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2019

Đơn vị báo cáo: Trường ĐH Y Dược Hải Phòng

TT	Ngành	Số tốt nghiệp	Số trúng tuyển	Số nhập học	Số chỉ tiêu(1)	Hình thức tuyển	Đào tạo theo địa chỉ sử	Liên kết đào tạo(4)	Địa điểm đào tạo
I. Đào tạo chính qui									
1	Y khoa	488	584	569	550	Xét tuyển theo KQ THPTQG			Trường ĐHYD Hải Phòng
2	Y học dự phòng	52	54	34	80				
3	Y học cổ truyền	0	97	66	80				
4	Răng hàm mặt	98	83	82	80				
5	Dược học	48	127	114	120				
6	Điều dưỡng	43	159	129	150				
7	Kỹ thuật xét nghiệ	37	101	76	80				
	Tổng	766	1205	1070	1140				
II. Đào tạo liên thông (chính quy tập trung)									
1	Y khoa	0	12	10	120	Xét tuyển theo KQ THPTQG,			Trường ĐHYD Hải Phòng
2	Dược học	0	0	0	25				
	Tổng	0	12	10	145				
III. Đào tạo liên thông (vừa làm vừa học)									
1	Điều dưỡng	223	304	265	420	Học bạ + Điểm Tổng kết			Trường ĐHYD Hải Phòng
2	Kỹ thuật xét nghiệ	38	56	52	50				
	Tổng	261	360	317	470				
IV. Cử tuyển (chỉ tiêu vào học năm dự bị)									
1									
2									
…									
	Tổng								
V. Văn bằng 2									
1									
2									
…									
	Tổng								

Hải phòng., ngày 28 tháng 02 năm 2020

Hiệu trưởng

Ký tên và đóng dấu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Văn Khải

Người lập bảng:

Họ tên: Đinh Văn Thức

Chữ ký:

Điện thoại: 0793206669

Email: dvthuc@hpmu.edu.vn

Ghi chú :

(1) Số chỉ tiêu: Ghi rõ số chỉ tiêu cho từng chuyên ngành của từng hình thức đào tạo.

(2) Hình thức tuyển sinh: Ghi rõ thi tuyển hay xét tuyển.

(3) Địa chỉ sử dụng: Ghi rõ tên từng tỉnh / thành phố, ngành, ... và số chỉ tiêu tương ứng

Biểu mẫu 03: BCTS-SV

BÁO CÁO SỐ SINH VIÊN ĐANG HỌC NĂM 2019

Đơn vị báo cáo: Trường ĐH Y Dược Hải Phòng

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ, hình thức đào tạo	Số sinh viên đang học						Tổng
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	
I	**Sau đại học**							
1.1.	***Tiến sỹ***							
1	YTCC	-	1	3	6	4	5	19
2	Nhi khoa	-	-	1	2	3	2	8
3	Nội Hô Hấp	-	0	2	-	-	-	2
4	Ngoại Tiêu Hóa	-	-	6	-	-	-	6
	Tổng	**0**	**1**	**12**	**8**	**7**	**7**	**35**
1.2.	***Thạc sỹ***							
1	YTCC	8	13					21
2	Nội khoa	5	3					8
3	Ngoại khoa	4	8					12
4	Nhi khoa	28	14					42
5	Y học biển	2	3					5
6	Kỹ thuật xét nghiệm	9						9
	Tổng	**56**	**41**					**97**
1.3.	***Chuyên khoa 2***							
1	Nội hô hấp	-	-					0
2	Nội tim mạch	-	-					0
3	Nội khoa	2	2					4
4	Sản phụ khoa	4	17					21
5	Ngoại CTCH	-	-					0
6	Ngoại tiêu hóa	-	-					0
7	Ngoại khoa	4	2					6
8	QLYT	23	33					56
9	Nhi Thận-Tiết niệu	-	-					0
10	Nhi khoa	5	4					9
11	Nhi hô hấp	-	-					0
12	Răng hàm mặt	4	8					12
13	Tâm thần	5	-					5
	Tổng	**47**	**66**					**113**
1.4.	***Chuyên khoa 1***							

1	Nội khoa	14	15					29
2	Ngoại khoa	6	1					7
3	Sản khoa	8	5					13
4	Nhi khoa	7	7					14
5	Mắt	5	-					5
6	Tai Mũi Họng	4	9					13
7	Hóa sinh	-	-					0
8	Răng Hàm Mặt	38	12					50
9	Chẩn đoán hình ảnh	20	7					27
10	Lao & Bệnh phổi	-	6					6
11	Y học cổ truyền	27	13					40
12	Y học gia đình	-	30					30
13	Y tế công cộng	-	-					0
14	Ung bướu	1	-					1
15	Tâm thần	31	1					32
16	Xét nghiệm y học	33	33					66
17	Gây mê hồi sức	10	1					11
	Tổng	**204**	**140**					**344**
1.5.	***Bác sỹ Nội trú***							
1	Nội khoa	3	4	2				9
2	Ngoại khoa	3	3	5				11
3	Sản khoa	3	4	5				12
4	Nhi khoa	10	9	4				23
	Tổng	**19**	**20**	**16**				**55**
II	**Đai học chính qui**							
1	Y khoa	568	602	513	396	539	421	3039
2	Y học dự phòng	35	34	35	38	51	45	238
3	Y học cổ truyền	66	63	58	45	39		271
4	Răng hàm mặt	86	71	85	59	49	44	394
5	Dược học	117	107	98	81	55		458
6	Điều dưỡng	131	86	62	52			331
7	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	78	70	67	42			257
	Tổng	1081	1033	918	713	733	510	4988
III	**Đại học liên thông**							
3.1.	***Liên thông từ TC***							
1	Y khoa	10	440	217	321			988
2	Dược học			23	31			54

	Tổng	10	440	240	352			1042
3.2.	***Liên thông từ CĐ***							
1	- Ngành …							
2								
….								
	Tổng							
IV	**Đại học Văn bằng 2**							
1	- Ngành …							
2								
….								
	Tổng							
	Tổng							

Hải phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2020

Hiệu trưởng

Ký tên và đóng dấu

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

Người lập bảng

Họ tên: Đinh Văn Thức

Chữ ký:

Điện thoại: 0793206669

Email: dvthuc@hpmu.edu.vn

Biểu mẫu 04: KHTS-ĐH

KẾ HOẠCH TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2020

Đơn vị báo cáo: Trường ĐH Y Dược Hải Phòng

TT	Ngành	Tổng quy mô	Dự kiến số tốt nghiệp	Số chỉ tiêu(1)	Hình thức tuyển sinh(2)	Đào tạo theo địa chỉ sử dụng(3)	Địa điểm đào tạo
I. Đào tạo chính qui							
1	Y khoa	3039	421				
2	Y học dự phòng	238	45				
3	Y học cổ truyền	271	0				
4	Răng hàm mặt	394	44				
5	Dược học	458	55				
6	Điều dưỡng	331	52				
7	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	257	42				
	Tổng	4988	659				
II. Đào tạo liên thông							
1	Y khoa	988	321				
2	Dược học	54	31				
	Tổng	1042	352				
III. Đào tạo cử tuyển							
1	Ngành						
2							
…							
	Tổng						
IV. Đào tạo văn bằng 2							
1	Ngành						
2							
…							
	Tổng						

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2020

Hiệu trưởng

Ký tên và đóng dấu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

Người lập bảng

Họ tên: Đinh Văn Thức

Chữ ký:

Điện thoại: 0793206669

Email: dvthuc@hpmu.edu.vn

Biểu mẫu 05: KHTS-SĐH

KẾ HOẠCH TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2020

Đơn vị báo cáo: Trường ĐH Y Dược Hải Phòng

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Tổng quy mô	Dự kiến số tốt nghiệp	Chỉ tiêu	Ngày thi/ xét tuyển	Địa điểm đào tạo
I	***Tiến sỹ***					
1	YTCC	19	18	6	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
2	Nhi khoa	8	7	3	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
3	Nội Hô Hấp	2	0	2	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
4	Ngoại Tiêu Hóa	6	5	3	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
	Tổng	**35**	**30**	**14**		
II	***Thạc sỹ***					
1	YTCC	21	13	15	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
2	Nội khoa	8	3	11	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
3	Ngoại khoa	12	8	9	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
4	Nhi khoa	42	14	8	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
5	Y học biển	5	3	6	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
6	Kỹ thuật xét nghiệm	9	0	13	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
	Tổng	**97**	**41**	**62**		
III	***Chuyên khoa 2***					
1	Nội hô hấp	0	0	6	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
2	Nội tim mạch	0	0	0	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
3	Nội khoa	4	2	7	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng

4	Sản phụ khoa	21	17	11	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
5	Ngoại CTCH	0	0	0	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
6	Ngoại tiêu hóa	0	0	3	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
7	Ngoại khoa	6	2	5	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
8	QLYT	56	33	19	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
9	Nhi Thận-Tiết niệu	0	0	0	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
10	Nhi khoa	9	4	4	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
11	Nhi hô hấp		0	0	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
12	Răng hàm mặt	12	8	2	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
13	Tâm thần	5	0	4	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
	Tổng	**113**	**66**	**61**		
IV	***Chuyên khoa 1***					
1	Nội khoa	29	15	16	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
2	Ngoại khoa	7	1	14	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
3	Sản khoa	13	5	12	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
4	Nhi khoa	14	7	13	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
5	Mắt	5	0	5	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
6	Tai Mũi Họng	13	9	6	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
7	Hóa sinh	0	0	0	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
8	Răng Hàm Mặt	50	12	12	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

9	Chẩn đoán hình ảnh	27	7	0	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
10	Lao & Bệnh phổi	6	6	20	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
11	Y học cổ truyền	40	13	23	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
12	Y học gia đình	30	30	50	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
13	Ung bướu	1	0	39	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
14	Tâm thần	30	1	21	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
15	Xét nghiệm y học	66	33	67	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
16	Gây mê hồi sức	11	1	10	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
	Tổng	**342**	**140**	**308**		
V	***Bác sỹ Nội trú***					
1	Nội khoa	9	2	2	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
2	Ngoại khoa	11	5	6	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
3	Sản khoa	12	5	5	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
4	Nhi khoa	23	4	8	T8/2020	Trường ĐHYD Hải Phòng
	Tổng	**55**	**16**	**21**		

Hải phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2020

Hiệu trưởng

Ký tên và đóng dấu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

Người lập bảng
Họ tên: Đinh Văn Thức
Chữ ký:
Điện thoại: 0793206669
Email: dvthuc@hpmu.edu.vn

Biểu mẫu 06: BCTS-GV

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG GIẢNG VIÊN HIỆN TẠI

Đơn vị báo cáo: Trường ĐH Y Dược Hải Phòng

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Giảng viên cơ hữu							Tổng cơ hữu	Giảng viên thỉnh giảng							Tổng thỉnh giảng
		GS	PGS	Tiến sỹ	Thạc sỹ	CK2	CK1	Đại học		GS	PGS	Tiến sỹ	Thạc sỹ	CK2	CK1	Đại học	
I	***Tiến sỹ***																
1	YTCC		1	1					2								0
2	Nhi khoa		1						1								0
3	Nội Hô Hấp	1							1								0
4	Ngoại Tiêu Hóa		1						1								0
	Tổng	**1**	**3**						**5**								**0**
II	***Thạc sỹ***																
1	YTCC		3						3		0						0
2	Nội khoa		2						2			1					1
3	Ngoại khoa			1					1		1	2					3
4	Nhi khoa		1						1					2			2
5	Y học biển			1					1		1						1
6	Kỹ thuật xét nghiệm		2	1					3			0					0
	Tổng		**8**	**3**					**11**		**2**	**3**		**2**			**7**
III	***Chuyên khoa II***																
1	Nội hô hấp		1						1					1			1
2	Nội tim mạch								0					0			0
3	Nội khoa		1						1					2			2
4	Sản phụ khoa								0			2		3			5
5	Ngoại CTCH								0								0

6	Ngoại tiêu hóa								0		1						1
7	Ngoại khoa								0			1		2			3
8	QLYT		1	4					5		2	3		4			9
9	Nhi Thận-Tiết niệu								0								0
10	Nhi khoa		1						1					2			2
11	Nhi hô hấp								0								0
12	Răng hàm mặt		1	1					2								0
13	Tâm thần		1						1			2					2
	Tổng		**6**	**5**		**0**			**11**		**3**	**8**	**0**	**14**			**25**
IV	***Chuyên khoa I***																
1	Nội khoa		1						1					2			2
2	Ngoại khoa								0					2			2
3	Sản khoa								0					2			2
4	Nhi khoa			1					1					1			1
5	Mắt		1						1								0
6	Tai Mũi Họng		1						1								0
7	Hóa sinh		0						0								0
8	Răng Hàm Mặt			3					3					2			2
9	CĐHA			1					1					1			1
10	Lao & Bệnh phổi		1						1					1			1
11	YHCT		1	3		1			5								0
12	YHGĐ		2						2					3			3
13	Ung bướu		1						1		1	2					3
14	Tâm thần			1					1					4			4
15	XNYH			4					4			5		1			6
16	GMHS			0					0		1			1			2
	Tổng		**8**	**13**	**0**	**1**			**22**		**2**	**7**		**20**			**29**
V	***Bác sĩ nội trú***																
1	Nội khoa			1					1		1	1					2

2	Ngoại khoa					1			1		1	1		1			3
3	Sản khoa								0		1	1		2			4
4	Nhi khoa		1						1					8			8
	Tổng		**1**	**1**		**1**			**3**		**3**	**3**	**0**	**11**			**17**
VI	***Đại học chính quy***																
1	- Ngành …																
2																	
…																	
VII	***Đại học liên thông***																
1	- Ngành …																
2																	
…																	
	Tổng																
	Tổng																

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2020

Hiệu trưởng

Ký tên và đóng dấu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

Người lập bảng:

Họ tên: Đinh Văn Thức

Chữ ký:

Điện thoại: 0793206669

Email: dvthuc@hpmu.edu.vn

Biểu mẫu 07: BCTS-DSGVCH

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU
THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO

Đơn vị báo cáo:Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ	Học hàm/học vị	Chuyên ngành được đào tạo
I	***Tiến sỹ***				
1	Y tế công cộng				
		Nguyễn Thị Thắm	x	TS	YTCC
		Phạm Văn Hán	x	PGS.TS	YTCC
2	Nhi Khoa				
		Nguyễn Ngọc Sáng	x	PGS.TS	Nhi khoa
3	Nội Hô hấp				
		Phạm Văn Thức	x	GS.TS	Dị ứng miễn dịch
4	Ngoại Tiêu Hóa				
		Phạm Văn Duyệt	x	PGS.TS	Ngoại khoa
II	***Thạc sỹ***				
1	Y tế công cộng				
		Dương Thị Hương	x	PGS.TS	YTCC
		Nguyễn Văn Khải	x	PGS.TS	YTCC
		Thái Lan Anh	x	PGS.TS	YTCC
2	Nội Khoa				
		PGS.TS Phạm Văn Linh	x	PGS.TS	Dị ứng miễn dịch
		Phạm Văn Nhiên	x	PGS.TS	Nội Khoa
3	Ngoại Khoa				
		Phạm Văn Thương	x	TS	Ngoại khoa
4	Nhi khoa				
		Đặng Văn Chức	x	PGS.TS	Nhi khoa
5					

	Y học biển	Nguyễn Văn Tâm	x	TS	
6	Kỹ thuật xét nghiệm				
		Nguyễn Hùng Cường	x	TS	KTXNYH
		Ngô Quang Dương	x	PGS.TS	XNYH
		Đinh Thị Thanh Mai	x	PGS.TS	Ký sinh trùng
III	***Chuyên khoa 2***				
1	Nội Hô hấp				
		Trần Quang Phục	x	PGS.TS	Lao & Bệnh Phổi
2	Nội Khoa				
		Đỗ Thị Tính	x	PGS.TS	Nội khoa
3	Ngoại tiêu hóa				
4	Ngoại khoa				
5					
	Nhi khoa	Đinh Văn Thức	x	PGS.TS	Nhi khoa
6	Sản phụ khoa				
7	Quản lý y tế				
		Trần Văn Tâm	x	TS	YTCC
		Nguyễn Đức Thọ		TS	YTCC
		Hoàng Thị Giang		TS	YTCC
		Phạm Minh Khuê	x	PGS.TS	YTCC
		Nguyễn Thị Thu Thảo	x	TS	YTCC
8	Răng Hàm Mặt	Phạm Văn Liệu	x	PGS.TS	Răng Hàm Mặt
		Vũ Quang Hưng	x	TS	Răng Hàm Mặt
9	Tâm thần				
IV		Phạm Văn Mạnh	x	PGS.TS	Tâm Thần học
	Chuyên khoa 1				
1	Nội Khoa				
		Nguyễn Thanh Hồi	x	PGS.TS	Nội khoa
2	Ngoại khoa				
3	Sản phụ khoa				
4	Nhi khoa				

		Đinh Dương Tùng Anh	x	TS	Nhi khoa
5	Mắt				
		Nguyễn Thị Nhụn	x	PGS.TS	Mắt
6	Tai Mũi Họng				
		Vũ Văn Sản	x	PGS.TS	Tai Mũi Họng
7	Hóa sinh				
8	Răng Hàm Mặt:				
		Trần Thị An Huy	x	TS	Răng Hàm Mặt
		Phạm Thanh Hải	x	TS	Răng Hàm Mặt
		Nguyễn Thị Thu Hà	x	TS	Răng Hàm Mặt
9	Chẩn đoán hình ảnh				
		Hoàng Đức Hạ	x	TS	CĐHA
10	Lao				
		Nguyễn Huy Điện	x	PGS.TS	Lao & bệnh phổi
11	Y học cổ truyền				
		Nguyễn Thị Thu Hiền	x	TS	YHCT
		Đoàn Mỹ Hạnh	x	BSCKII	YHCT
		Phạm Thị Anh	x	TS	Dược cổ truyền
		Nguyễn Thị Thu Phương	x	TS	Dược cổ truyền
		Nguyễn Văn Hùng	x	PGS.TS	Dược lý
12	Y học gia đình:				
		Phạm Huy Quyến	x	PGS.TS	Dị ứng và miễn dịch LS
		Trịnh Thị Lý	x	PGS.TS	Nội-HSCC
13	Ung bướu				
		Nguyễn Lam Hòa	x	PGS.TS	Ung thư- Ngoại khoa
14	Tâm thần				
		Nguyễn Thị Thu Huyền	x	TS	Tâm Thần học
15	XNYH	Võ Thị Thanh Hiền	x	TS	Hóa sinh
		Vũ Văn Thái	x	TS	XNYH
		Bạch Thị Như Quỳnh	x	TS	Sinh học phân tử
		Phạm Thị Thu Trang	x	TS	XNYH
16	Gây mê hồi sức				
V	***Bác sĩ nội trú***				

1	Nội Khoa				
		Vũ Mạnh Tân	x	TS	Nội khoa
2	Ngoại khoa				
		Nguyễn Ngọc Hùng	x	BSCKII	Ngoại khoa
3	Sản phụ khoa				
4	Nhi khoa				
VI		Vũ Văn Quang	x	PGS.TS	Nhi khoa
1	*Đại học chính quy*				
VI	***Đại học chính quy***				
1	Giảng viên các môn học chung	Bùi Ngọc Tân	x	TS	
2	Giảng viên các môn học chung	Đào Thu Hồng	x	TS	
3	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Bảo Trân	x	TS	
4	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Hải Ninh	x	TS	
5	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Thị Kim Hương	x	TS	
6	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Thị Quỳnh Thơ	x	TS	
7	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Văn Dưỡng	x	TS	
8	Giảng viên các môn học chung	Bùi Thị Ánh Tuyết	x	ThS	
9	Giảng viên các môn học chung	Bùi Thị Hương Giang	x	ThS	
10	Giảng viên các môn học chung	Cao Thị Phương Dung	x	ThS	
11	Giảng viên các môn học chung	Đào Thị Mỹ Hạnh	x	ThS	
12	Giảng viên các môn học chung	Đào Thu Hằng	x	ThS	
13	Giảng viên các môn học chung	Đinh Thị Mai Hương	x	ThS	
14	Giảng viên các môn học chung	Đỗ Phương Linh Chi	x	ThS	
15	Giảng viên các môn học chung	Đoàn Văn Thành	x	ThS	
16	Giảng viên các môn học chung	Đồng Quỳnh Trang	x	ThS	
17	Giảng viên các môn học chung	Dương Thị Minh Thoa	x	ThS	
18	Giảng viên các môn học chung	Hà Minh Tâm	x	ThS	
19	Giảng viên các môn học chung	Hoàng Thị Bích Thủy	x	ThS	
20	Giảng viên các môn học chung	Lại Thị Mai	x	ThS	
21	Giảng viên các môn học chung	Lê Hiền Giang	x	ThS	
22	Giảng viên các môn học chung	Lê Thị Thu Huyền	x	ThS	

23	Giảng viên các môn học chung	Lê Thị Yến		x	ThS	
24	Giảng viên các môn học chung	Lương Thanh Nhạn		x	ThS	
25	Giảng viên các môn học chung	Mai Thị Là		x	ThS	
26	Giảng viên các môn học chung	Ngô Thanh Hường		x	ThS	
27	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Cẩm Vân		x	ThS	
28	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Hải Bằng		x	ThS	
29	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Khánh Hưng		x	ThS	
30	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Mỹ Chinh		x	ThS	
31	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Ngọc Mạnh		x	ThS	
32	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Ngọc Toàn		x	ThS	
33	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Ngọc Tú		x	ThS	
34	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Quang Thành		x	ThS	
35	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Thành Trung		x	ThS	
36	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Thị Chăm		x	ThS	
37	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Thị Cúc		x	ThS	
38	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Thị Hải		x	ThS	
39	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Thị Hải Yến		x	ThS	
40	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Thị Hiền		x	ThS	
41	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Thị Hiền		x	ThS	
42	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Thị Hồng Liên		x	ThS	
43	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Thị Huệ		x	ThS	
44	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Thị Hương		x	ThS	
45	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Thị Hương Thảo		x	ThS	
46	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Thị Nga		x	ThS	
47	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Thị Phương Mai		x	ThS	
48	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Thị Phương Thảo		x	ThS	
49	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Thị Phương Thảo		x	ThS	
50	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Thị Tươi		x	ThS	
51	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Tiến Thắng		x	ThS	
52	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Trần Quý		x	ThS	
53	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Văn Đẹp		x	ThS	
54	Giảng viên các môn học chung	Nhữ Văn Thuấn		x	ThS	
55	Giảng viên các môn học chung	Phạm Bích Ngọc		x	ThS	

56	Giảng viên các môn học chung	Phạm Thành Nguyên		x	ThS	
57	Giảng viên các môn học chung	Phạm Thị Khuyên		x	ThS	
58	Giảng viên các môn học chung	Phạm Thị Nguyên		x	ThS	
59	Giảng viên các môn học chung	Phạm Thị Vân		x	ThS	
60	Giảng viên các môn học chung	Phạm Tuấn Linh		x	ThS	
61	Giảng viên các môn học chung	Phạm Văn Thưởng		x	ThS	
62	Giảng viên các môn học chung	Phan Minh Châu		x	Ths	
63	Giảng viên các môn học chung	Trần Thanh Vân		x	ThS	
64	Giảng viên các môn học chung	Trần Thị Hà Giang		x	ThS	
65	Giảng viên các môn học chung	Trần Thị Hòa		x	ThS	
66	Giảng viên các môn học chung	Trần Thị Quỳnh Trang		x	ThS	
67	Giảng viên các môn học chung	Trần Thị Thanh Loan		x	ThS	
68	Giảng viên các môn học chung	Trần Thị Xen		x	ThS	
69	Giảng viên các môn học chung	Trịnh Anh Tuấn		x	ThS	
70	Giảng viên các môn học chung	Trịnh Thị Thu Trang		x	ThS	
71	Giảng viên các môn học chung	Trịnh Thị Thủy		x	ThS	
72	Giảng viên các môn học chung	Trương Thị Nga		x	ThS	
73	Giảng viên các môn học chung	Vũ Đức Minh		x	ThS	
74	Giảng viên các môn học chung	Vũ Ngọc Thanh		x	ThS	
75	Giảng viên các môn học chung	Vũ Thành Đông		x	ThS	
76	Giảng viên các môn học chung	Vũ Thị Hồng		x	ThS	
77	Giảng viên các môn học chung	Vũ Thị Thơm		x	ThS	
78	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Đức Nhâm		x	PGS	
79	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Văn Mùi		x	PGS	
80	Giảng viên các môn học chung	Phạm Huy Quyến		x	PGS	
81	Giảng viên các môn học chung	Phạm Văn Linh		x	PGS	
82	Giảng viên các môn học chung	Vũ Thị Kim Loan		x	PGS	
83	Giảng viên các môn học chung	Phạm Văn Thức		x	GS	
84	Giảng viên các môn học chung	Đoàn Thị Nguyệt		x	ĐH	
85	Giảng viên các môn học chung	Hoàng Bảo Ngọc Cương		x	ĐH	
86	Giảng viên các môn học chung	Hoàng Sơn Lâm		x	ĐH	
87	Giảng viên các môn học chung	Lê Phi Đại		x	ĐH	
88	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Hoàng Thảo Giang		x	ĐH	

89	Giảng viên các môn học chung	Nguyễn Thu Hiền		x	ĐH	
90	Giảng viên các môn học chung	Trần Thị Thu Hằng		x	ĐH	
91	Giảng viên các môn học chung	Trần Thị Thủy		x	ĐH	
92	Giảng viên các môn học chung	Trần Xuân Bách		x	ĐH	
93	Ngành Điều dưỡng	Đỗ Thị Lan Anh		x	TS	
94	Ngành Điều dưỡng	Nguyễn Thị Thu Hương		x	TS	
95	Ngành Điều dưỡng	Bùi Thị Thanh Mai		x	ThS	
96	Ngành Điều dưỡng	Đỗ Thị Ninh		x	ThS	
97	Ngành Điều dưỡng	Đỗ Thị Tuyết Mai		x	ThS	
98	Ngành Điều dưỡng	Hoàng Thị Oanh		x	ThS	
99	Ngành Điều dưỡng	Hoàng Tuấn Anh		x	ThS	
100	Ngành Điều dưỡng	Lê Thị Nhung		x	ThS	
101	Ngành Điều dưỡng	Lương Thị Thu Giang		x	ThS	
102	Ngành Điều dưỡng	Nguyễn Thanh Xuân		x	ThS	
103	Ngành Điều dưỡng	Nguyễn Thị Anh Thư		x	ThS	
104	Ngành Điều dưỡng	Nguyễn Thị Hòa		x	ThS	
105	Ngành Điều dưỡng	Nguyễn Thị Phương		x	ThS	
106	Ngành Điều dưỡng	Phạm Thị Liễu		x	ThS	
107	Ngành Điều dưỡng	Phạm Thị Thư		x	ThS	
108	Ngành Điều dưỡng	Phạm Thị Thu Hương		x	ThS	
109	Ngành Điều dưỡng	Phạm Thị Tuyết		x	ThS	
110	Ngành Điều dưỡng	Trần Thùy Dương		x	ThS	
111	Ngành Điều dưỡng	Vũ Thị Cẩm Doanh		x	ThS	
112	Ngành Điều dưỡng	Thái Lan Anh		x	PGS	
113	Ngành Điều dưỡng	Đỗ Thị Thu Huyền		x	ĐH	
114	Ngành Điều dưỡng	Đoàn Thị Thu Thảo		x	ĐH	
115	Ngành Điều dưỡng	Lê Thị Thu Hằng		x	ĐH	
116	Ngành Điều dưỡng	Lê Thu Phương		x	ĐH	
117	Ngành Điều dưỡng	Trần Đức Trung		x	ĐH	
118	Ngành Dược học	Ngô Thị Quỳnh Mai		x	TS	
119	Ngành Dược học	Nguyễn Thị Thu Phương		x	TS	
120	Ngành Dược học	Nguyễn Thị Thùy Khuê		x	TS	
121	Ngành Dược học	Phạm Thị Anh		x	TS	

122	Ngành Dược học	Trần Thị Ngân		x	TS	
123	Ngành Dược học	Bùi Hải Ninh		x	ThS	
124	Ngành Dược học	Cao Đức Tuấn		x	ThS	
125	Ngành Dược học	Đinh Thị Quyên		x	ThS	
126	Ngành Dược học	Đỗ Thị Bích Diệp		x	ThS	
127	Ngành Dược học	Đỗ Thị Hà Phương		x	ThS	
128	Ngành Dược học	Lê Thị Thùy Linh		x	ThS	
129	Ngành Dược học	Nguyễn Minh Thảo		x	ThS	
130	Ngành Dược học	Nguyễn Thanh Tâm		x	ThS	
131	Ngành Dược học	Nguyễn Thị Dung		x	ThS	
132	Ngành Dược học	Ninh Thị Kim Thu		x	ThS	
133	Ngành Dược học	Phạm Thị Phương Thảo		x	ThS	
134	Ngành Dược học	Phạm Thúy Hằng		x	ThS	
135	Ngành Dược học	Phạm Văn Trường		x	ThS	
136	Ngành Dược học	Vũ Thị Quỳnh		x	ThS	
137	Ngành Dược học	Vũ Thùy Dung		x	ThS	
138	Ngành Dược học	Nguyễn Văn Hùng		x	PGS	
139	Ngành Dược học	Phương Thiện Thương		x	PGS	
140	Ngành Dược học	Bùi Thị Thắm		x	ĐH	
141	Ngành Dược học	Nguyễn Thị Hạnh		x	ĐH	
142	Ngành Dược học	Phạm Hà Hưng		x	ĐH	
143	Ngành Dược học	Trần Thị Quyên		x	ĐH	
144	Ngành Dược học	Trần Vân Anh		x	ĐH	
145	Ngành Dược học	Trương Đình Phong		x	ĐH	
146	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Bạch Thị Như Quỳnh		x	TS	
147	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Đào Văn Tùng		x	TS	
148	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Hoàng Văn Phóng		x	TS	
149	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Nguyễn Hùng Cường		x	TS	
150	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Phạm Thị Thu Trang		x	TS	
151	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Trần Đức		x	TS	
152	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Võ Thị Thanh Hiền		x	TS	
153	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Vũ Văn Thái		x	TS	
154	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Đoàn Văn Hiển		x	ThS	

155	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Hoàng Thị Hải Yến		x	ThS
156	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Lê Hồng Thu		x	ThS
157	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Lê Thị Thùy Linh		x	ThS
158	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Ngô Thị Mai Hương		x	ThS
159	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Nguyễn Thị Thu Hiền		x	ThS
160	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Nguyễn Trường Giang		x	ThS
161	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Phạm Thị Lộc		x	ThS
162	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Phạm Thị Tâm		x	ThS
163	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Trịnh Thị Hằng		x	ThS
164	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Vũ Thị Nữ		x	ThS
165	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Đoàn Thị Bích Phượng		x	ĐH
166	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Mạc Thị Tịnh		x	ĐH
167	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Nguyễn Hải Anh		x	ĐH
168	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Nguyễn Thị Huyền Sương		x	ĐH
169	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Nguyễn Văn Thảnh		x	ĐH
170	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Phạm Minh Khánh		x	ĐH
171	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Trần Minh Công		x	ĐH
172	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Trịnh Thị Thùy		x	ĐH
173	Ngành Răng hàm mặt	Phạm Thanh Hải		x	TS
174	Ngành Răng hàm mặt	Trần Thị An Huy		x	TS
175	Ngành Răng hàm mặt	Vũ Quang Hưng		x	TS
176	Ngành Răng hàm mặt	Đỗ Quốc Uy		x	ThS
177	Ngành Răng hàm mặt	Đoàn Trung Hiếu		x	ThS
178	Ngành Răng hàm mặt	Đồng Thị Mai Hương		x	ThS
179	Ngành Răng hàm mặt	Lương Xuân Quỳnh		x	ThS
180	Ngành Răng hàm mặt	Nguyễn Đức Tín		x	ThS
181	Ngành Răng hàm mặt	Nguyễn Minh Tuân		x	ThS
182	Ngành Răng hàm mặt	Nguyễn Thị Ninh		x	ThS
183	Ngành Răng hàm mặt	Nguyễn Thị Phương Anh		x	ThS
184	Ngành Răng hàm mặt	Phạm Thị Hồng Thùy		x	ThS
185	Ngành Răng hàm mặt	Vũ Thị Xuân		x	ThS
186	Ngành Răng hàm mặt	Đặng Vũ Hải		x	PGS
187	Ngành Răng hàm mặt	Phạm Như Hải		x	PGS

188	Ngành Răng hàm mặt	Phạm Văn Liệu		x	PGS	
189	Ngành Răng hàm mặt	Đặng Tuấn Anh		x	ĐH	
190	Ngành Răng hàm mặt	Đỗ Thúy Hằng		x	ĐH	
191	Ngành Răng hàm mặt	Hoàng Đình Lộc		x	ĐH	
192	Ngành Răng hàm mặt	Lê Thành Nam		x	ĐH	
193	Ngành Răng hàm mặt	Lê Thị Thùy Ly		x	ĐH	
194	Ngành Răng hàm mặt	Nguyễn Thị Ngọc Bích		x	ĐH	
195	Ngành Răng hàm mặt	Nguyễn Thị Thu Hà		x	ĐH	
196	Ngành Răng hàm mặt	Nguyễn Tiến Đức		x	ĐH	
197	Ngành Răng hàm mặt	Nguyễn Trường Thịnh		x	ĐH	
198	Ngành Răng hàm mặt	Phạm Minh Thảo		x	ĐH	
199	Ngành Răng hàm mặt	Phạm Thị Nhung		x	ĐH	
200	Ngành Răng hàm mặt	Phan Thị Thanh Giang		x	ĐH	
201	Ngành Răng hàm mặt	Trần Phương Linh		x	ĐH	
202	Ngành Răng hàm mặt	Vũ Quang Hiển		x	ĐH	
203	Ngành Y học cổ truyền	Đoàn Mỹ Hạnh		x	TS	
204	Ngành Y học cổ truyền	Nguyễn Thị Thu Hiền		x	TS	
205	Ngành Y học cổ truyền	Nguyễn Thị Thu Thảo		x	TS	
206	Ngành Y học cổ truyền	Khúc Thị Song Hương		x	ThS	
207	Ngành Y học cổ truyền	Lê Ngọc Sơn		x	ThS	
208	Ngành Y học cổ truyền	Nguyễn Minh Thụy		x	ThS	
209	Ngành Y học cổ truyền	Nguyễn Thị Hương		x	ThS	
210	Ngành Y học cổ truyền	Nguyễn Thị Thanh Hoa		x	ThS	
211	Ngành Y học cổ truyền	Nguyễn Thị Thúy		x	ThS	
212	Ngành Y học cổ truyền	Nguyễn Thị Thùy Dung		x	ThS	
213	Ngành Y học cổ truyền	Phạm Hải Dương		x	ThS	
214	Ngành Y học cổ truyền	Hoàng Thị Huyền Trang		x	ĐH	
215	Ngành Y học cổ truyền	Nguyễn Hồng Thái		x	ĐH	
216	Ngành Y học cổ truyền	Nguyễn Thị Phượng		x	ĐH	
217	Ngành Y học cổ truyền	Nguyễn Thị Thùy Lê		x	ĐH	
218	Ngành Y học cổ truyền	Phạm Hồng Ngọc		x	ĐH	
219	Ngành Y học cổ truyền	Phạm Thị Huệ		x	ĐH	
220	Ngành Y học cổ truyền	Phạm Tiến Dũng		x	ĐH	

221	Ngành Y học cổ truyền	Trần Danh Tiến Thịnh	x	ĐH	
222	Ngành Y học cổ truyền	Trần Thị Thu Hiên	x	ĐH	
223	Ngành Y học cổ truyền	Vũ Thị Ngoan	x	ĐH	
224	Ngành Y học cổ truyền	Vũ Thị Nhi	x	ĐH	
225	Ngành Y học dự phòng	Nguyễn Thị Thắm	x	TS	
226	Ngành Y học dự phòng	Trần Thị Thúy Hà	x	TS	
227	Ngành Y học dự phòng	Chu Khắc Tân	x	ThS	
228	Ngành Y học dự phòng	Hoàng Thị Giang	x	ThS	
229	Ngành Y học dự phòng	Hoàng Thị Hoa Lê	x	ThS	
230	Ngành Y học dự phòng	Lê Trần Tuấn Anh	x	ThS	
231	Ngành Y học dự phòng	Nguyễn Quang Đức	x	ThS	
232	Ngành Y học dự phòng	Nguyễn Thanh Bình	x	ThS	
233	Ngành Y học dự phòng	Nguyễn Thanh Hải	x	ThS	
234	Ngành Y học dự phòng	Nguyễn Thị Minh Ngọc	x	ThS	
235	Ngành Y học dự phòng	Nguyễn Thị Thanh Bình	x	ThS	
236	Ngành Y học dự phòng	Nguyễn Thị Thùy Linh	x	ThS	
237	Ngành Y học dự phòng	Phạm Thị Minh Tâm	x	ThS	
238	Ngành Y học dự phòng	Trần Thị Bích Hồi	x	ThS	
239	Ngành Y học dự phòng	Trịnh Thanh Xuân	x	ThS	
240	Ngành Y học dự phòng	Dương Thị Hương	x	PGS	
241	Ngành Y học dự phòng	Lê Văn Hợi	x	PGS	
242	Ngành Y học dự phòng	Phạm Minh Khuê	x	PGS	
243	Ngành Y học dự phòng	Vũ Đức Long	x	PGS	
244	Ngành Y học dự phòng	Cáp Minh Đức	x	ĐH	
245	Ngành Y học dự phòng	Hoàng Thị Thuận	x	ĐH	
246	Ngành Y học dự phòng	Phạm Thị Minh Thư	x	ĐH	
247	Ngành Y học dự phòng	Phạm Thị Ngọc	x	ĐH	
248	Ngành Y khoa	Đoàn Hồng Quang	x	TS	
249	Ngành Y khoa	Hoàng Đức Hạ	x	TS	
250	Ngành Y khoa	Nguyễn Đức Thọ	x	TS	
251	Ngành Y khoa	Nguyễn Thị Thu Huyền	x	TS	
252	Ngành Y khoa	Nguyễn Văn Tâm	x	TS	
253	Ngành Y khoa	Phạm Văn Thương	x	TS	

254	Ngành Y khoa	Phan Thị Yến	x	TS	
255	Ngành Y khoa	Vũ Mạnh Tân	x	TS	
256	Ngành Y khoa	Vũ Văn Quang	x	TS	
257	Ngành Y khoa	Bùi Cao Cường	x	ThS	
258	Ngành Y khoa	Bùi Hoàng Tú	x	ThS	
259	Ngành Y khoa	Bùi Hồng Nhung	x	ThS	
260	Ngành Y khoa	Bùi Thị Bích Ngọc	x	ThS	
261	Ngành Y khoa	Bùi Thị Dịu	x	ThS	
262	Ngành Y khoa	Bùi Văn Dương	x	ThS	
263	Ngành Y khoa	Bùi Văn Hiếu	x	ThS	
264	Ngành Y khoa	Chu Thị Hà	x	ThS	
265	Ngành Y khoa	Chu Thị Thuận	x	ThS	
266	Ngành Y khoa	Đào Minh Châu	x	ThS	
267	Ngành Y khoa	Đào Thị Hải Yến	x	ThS	
268	Ngành Y khoa	Đào Thị Hồng Hải	x	ThS	
269	Ngành Y khoa	Đinh Dương Tùng Anh	x	ThS	
270	Ngành Y khoa	Đỗ Đình Tiệp	x	ThS	
271	Ngành Y khoa	Đỗ Minh Tùng	x	ThS	
272	Ngành Y khoa	Đỗ Quang Anh	x	ThS	
273	Ngành Y khoa	Đỗ Thị Hải	x	ThS	
274	Ngành Y khoa	Đỗ Thị Thanh Loan	x	ThS	
275	Ngành Y khoa	Đoàn Thị Phương	x	ThS	
276	Ngành Y khoa	Đoàn Thị Út	x	ThS	
277	Ngành Y khoa	Hà Thị Thu Huyền	x	ThS	
278	Ngành Y khoa	Hoàng Thị Làn	x	ThS	
279	Ngành Y khoa	Hoàng Thị Thía	x	ThS	
280	Ngành Y khoa	Kê Thị Lan Anh	x	ThS	
281	Ngành Y khoa	Khổng Thị Vân Anh	x	ThS	
282	Ngành Y khoa	Lê Anh Nam	x	ThS	
283	Ngành Y khoa	Lê Đắc Hiệp	x	ThS	
284	Ngành Y khoa	Lê Sao Mai	x	ThS	
285	Ngành Y khoa	Lê Thị Diệu Hiền	x	ThS	
286	Ngành Y khoa	Lê Thị Huyền Sâm	x	ThS	

287	Ngành Y khoa	Ngô Văn Dũng	x	ThS	
288	Ngành Y khoa	Nguyễn Bùi Bình	x	ThS	
289	Ngành Y khoa	Nguyễn Đức Hưng	x	ThS	
290	Ngành Y khoa	Nguyễn Đức Tiến	x	ThS	
291	Ngành Y khoa	Nguyễn Mai Phương	x	ThS	
292	Ngành Y khoa	Nguyễn Ngọc Ánh	x	ThS	
293	Ngành Y khoa	Nguyễn Ngọc Hùng	x	ThS	
294	Ngành Y khoa	Nguyễn Quang Đại	x	ThS	
295	Ngành Y khoa	Nguyễn Quang Đạo	x	ThS	
296	Ngành Y khoa	Nguyễn Thị Hoàng Trang	x	ThS	
297	Ngành Y khoa	Nguyễn Thị Hường	x	ThS	
298	Ngành Y khoa	Nguyễn Thị Lệ Thủy	x	ThS	
299	Ngành Y khoa	Nguyễn Thị Liên	x	ThS	
300	Ngành Y khoa	Nguyễn Thị Mai Phương	x	ThS	
301	Ngành Y khoa	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	x	ThS	
302	Ngành Y khoa	Nguyễn Thị Phương	x	ThS	
303	Ngành Y khoa	Nguyễn Thị Phương Thảo	x	ThS	
304	Ngành Y khoa	Nguyễn Thị Thành	x	ThS	
305	Ngành Y khoa	Nguyễn Thị Thanh Thanh Huyền	x	ThS	
306	Ngành Y khoa	Nguyễn Thị Thu Trang	x	ThS	
307	Ngành Y khoa	Nguyễn Thị Thúy Hiếu	x	ThS	
308	Ngành Y khoa	Nguyễn Thị Trang	x	ThS	
309	Ngành Y khoa	Nguyễn Thị Trang	x	ThS	
310	Ngành Y khoa	Nguyễn Thùy Linh	x	ThS	
311	Ngành Y khoa	Nguyễn Tuấn Lượng	x	ThS	
312	Ngành Y khoa	Nguyễn Văn Được	x	ThS	
313	Ngành Y khoa	Nguyễn Văn Hoàn	x	ThS	
314	Ngành Y khoa	Nguyễn Văn Long	x	ThS	
315	Ngành Y khoa	Nguyễn Văn Thành	x	ThS	
316	Ngành Y khoa	Nguyễn Văn Thành	x	ThS	
317	Ngành Y khoa	Nguyễn Việt Hà	x	ThS	
318	Ngành Y khoa	Nhữ Thị Ngọc	x	ThS	
319	Ngành Y khoa	Phạm Chính Nghĩa	x	ThS	

320	Ngành Y khoa	Phạm Quốc Hiệu	x	ThS	
321	Ngành Y khoa	Phạm Thị Ngọc	x	ThS	
322	Ngành Y khoa	Phạm Thị Thu Thủy	x	ThS	
323	Ngành Y khoa	Phạm Thị Vân Anh	x	ThS	
324	Ngành Y khoa	Phạm Văn Tuy	x	ThS	
325	Ngành Y khoa	Phùng Chí Thiện	x	ThS	
326	Ngành Y khoa	Phùng Thị Hòa	x	ThS	
327	Ngành Y khoa	Phùng Thị Vân Anh	x	ThS	
328	Ngành Y khoa	Phùng Văn Duyên	x	ThS	
329	Ngành Y khoa	Tạ Hùng Sơn	x	ThS	
330	Ngành Y khoa	Thái Thị Huyền	x	ThS	
331	Ngành Y khoa	Trần Đức Tâm	x	ThS	
332	Ngành Y khoa	Trần Hồng Hạnh	x	ThS	
333	Ngành Y khoa	Trần Thị Hải Yến	x	ThS	
334	Ngành Y khoa	Trần Thị Lan	x	ThS	
335	Ngành Y khoa	Trần Thị Liên	x	ThS	
336	Ngành Y khoa	Trần Thị Phương	x	ThS	
337	Ngành Y khoa	Trần Thị Thanh Bình	x	ThS	
338	Ngành Y khoa	Trần Thị Thanh Thúy	x	ThS	
339	Ngành Y khoa	Trịnh Đình Thanh	x	ThS	
340	Ngành Y khoa	Trịnh Hồng Nhung	x	ThS	
341	Ngành Y khoa	Trương Thành Kiên	x	ThS	
342	Ngành Y khoa	Vũ Khánh Toàn	x	ThS	
343	Ngành Y khoa	Vũ Thị Ánh Hồng	x	ThS	
344	Ngành Y khoa	Vũ Thị Mai Anh	x	ThS	
345	Ngành Y khoa	Vũ Thị Thu Trang	x	ThS	
346	Ngành Y khoa	Vương Thị Thuỷ	x	ThS	
347	Ngành Y khoa	Bùi Văn Chiến	x	PGS	
348	Ngành Y khoa	Đặng Văn Chức	x	PGS	
349	Ngành Y khoa	Đinh Thị Thanh Mai	x	PGS	
350	Ngành Y khoa	Đinh Văn Thức	x	PGS	
351	Ngành Y khoa	Đỗ Thị Tính	x	PGS	
352	Ngành Y khoa	Khúc Thị Nhụn	x	PGS	

353	Ngành Y khoa	Ngô Quang Dương	x	PGS	
354	Ngành Y khoa	Nguyễn Công Bình	x	PGS	
355	Ngành Y khoa	Nguyễn Huy Điện	x	PGS	
356	Ngành Y khoa	Nguyễn Lam Hòa	x	PGS	
357	Ngành Y khoa	Nguyễn Ngọc Sáng	x	PGS	
358	Ngành Y khoa	Nguyễn Thanh Hồi	x	PGS	
359	Ngành Y khoa	Nguyễn Văn Học	x	PGS	
360	Ngành Y khoa	Nguyễn Văn Khải	x	PGS	
361	Ngành Y khoa	Phạm Văn Duyệt	x	PGS	
362	Ngành Y khoa	Phạm Văn Hán	x	PGS	
363	Ngành Y khoa	Phạm Văn Mạnh	x	PGS	
364	Ngành Y khoa	Phạm Văn Nhiên	x	PGS	
365	Ngành Y khoa	Trần Quang Phục	x	PGS	
366	Ngành Y khoa	Trần Thị Quỳnh Chi	x	PGS	
367	Ngành Y khoa	Trịnh Thị Lý	x	PGS	
368	Ngành Y khoa	Vũ Sỹ Khảng	x	PGS	
369	Ngành Y khoa	Vũ Văn Sản	x	PGS	
370	Ngành Y khoa	Vũ Văn Tâm	x	PGS	
371	Ngành Y khoa	Đỗ Đức Chiến	x	ĐH	
372	Ngành Y khoa	Đỗ Thị Huế	x	ĐH	
373	Ngành Y khoa	Đỗ Thị Huyền	x	ĐH	
374	Ngành Y khoa	Đoàn Thị Linh	x	ĐH	
375	Ngành Y khoa	Đoàn Thị Như Yến	x	ĐH	
376	Ngành Y khoa	Đoàn Thị Thanh Hà	x	ĐH	
377	Ngành Y khoa	Hồ Thị Huyền Sương	x	ĐH	
378	Ngành Y khoa	Hoàng Anh Công	x	ĐH	
379	Ngành Y khoa	Hoàng Đình Khánh	x	ĐH	
380	Ngành Y khoa	Hoàng Hữu Đoàn	x	ĐH	
381	Ngành Y khoa	Lê Thị Quyên	x	ĐH	
382	Ngành Y khoa	Lưu Hoàng Anh	x	ĐH	
383	Ngành Y khoa	Nguyễn Duy Hoàng	x	ĐH	
384	Ngành Y khoa	Nguyễn Hoàng Ngọc Anh	x	ĐH	
385	Ngành Y khoa	Nguyễn Hồng Hà	x	ĐH	

386	Ngành Y khoa	Nguyễn Hồng Xuân Quý	x	ĐH	
387	Ngành Y khoa	Nguyễn Phương Lan	x	ĐH	
388	Ngành Y khoa	Nguyễn Quốc Khánh	x	ĐH	
389	Ngành Y khoa	Nguyễn Thanh Huyền	x	ĐH	
390	Ngành Y khoa	Nguyễn Thành Trung	x	ĐH	
391	Ngành Y khoa	Nguyễn Thị Hằng	x	ĐH	
392	Ngành Y khoa	Nguyễn Thị Hồng Thịnh	x	ĐH	
393	Ngành Y khoa	Nguyễn Thị Huệ	x	ĐH	
394	Ngành Y khoa	Nguyễn Thị Lan Oanh	x	ĐH	
395	Ngành Y khoa	Nguyễn Thị Thanh Nga	x	ĐH	
396	Ngành Y khoa	Nguyễn Thị Thủy	x	ĐH	
397	Ngành Y khoa	Nguyễn Thị Thúy Hường	x	ĐH	
398	Ngành Y khoa	Nguyễn Thu Thùy	x	ĐH	
399	Ngành Y khoa	Nguyễn Thu Trang	x	ĐH	
400	Ngành Y khoa	Nguyễn Trung Thành	x	ĐH	
401	Ngành Y khoa	Nguyễn Văn Thúc	x	ĐH	
402	Ngành Y khoa	Phạm Hồng Minh	x	ĐH	
403	Ngành Y khoa	Phạm Tâm Long	x	ĐH	
404	Ngành Y khoa	Phạm Thanh Hải	x	ĐH	
405	Ngành Y khoa	Phạm Thanh Nhàn	x	ĐH	
406	Ngành Y khoa	Phạm Thị Diễm	x	ĐH	
407	Ngành Y khoa	Phạm Thị Lanh	x	ĐH	
408	Ngành Y khoa	Phạm Thị Quỳnh Vân	x	ĐH	
409	Ngành Y khoa	Phạm Thùy Linh	x	ĐH	
410	Ngành Y khoa	Phan Đức Cường	x	ĐH	
411	Ngành Y khoa	Phan Văn Tuân	x	ĐH	
412	Ngành Y khoa	Phan Xuân Cường	x	ĐH	
413	Ngành Y khoa	Tiên Hạnh Nhi	x	ĐH	
414	Ngành Y khoa	Trần Huy Duy	x	ĐH	
415	Ngành Y khoa	Trần Thanh Tùng	x	ĐH	
416	Ngành Y khoa	Trần Thị Thoa	x	ĐH	
417	Ngành Y khoa	Trần Thu Hà	x	ĐH	
418	Ngành Y khoa	Trần Văn Đức	x	ĐH	

419	Ngành Y khoa	Trần Văn Dũng	x	ĐH	
420	Ngành Y khoa	Vũ Thị Yến	x	ĐH	
421	Ngành Y khoa	Vũ Thúy Hà	x	ĐH	
422	Ngành Y khoa	Vương Đức Nam	x	ĐH	
	Tổng				

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2020

Hiệu trưởng

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

Người lập bảng:

Họ tên: Đinh Văn Thức

Chữ ký:

Điện thoại: 0793206669

Email: dvthuc@hpmu.edu.vn

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỈNH GIẢNG
THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
I	*Tiến sỹ*					
1	Y tế công cộng					
2	Nhi Khoa					
3	Nội Hô hấp					
4	Ngoại Tiêu Hóa					
II	*Thạc sỹ*					
1	Y tế công cộng					
2	Nội Khoa					
		Phạm Thị Phương Nam	x	TS	Nội Khoa	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
3	Ngoại Khoa					
		Đinh Thế Hùng	x	TS	Ngoại & PTTH	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
		Nguyễn Công Bình	x	PGS.TS	Ngoại & PTTH	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
		Đặng Việt Sơn	x	TS	Ngoại & PTTH	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
4	Nhi khoa					
		Trần Thị Ngọc Hòa	x	BSCKII	Nhi khoa	Bv Trẻ em HP
		Hoàng Sơn	x	BSCKII	Nhi khoa	Bv Trẻ em HP

		Trần Thị Quỳnh Chi	x	PGS.TS	Y học biển	Viện Y học biển
6	**Kỹ thuật xét nghiệm**					
III	***Chuyên khoa II***					
1	**Nội Hô hấp**					
		Nguyễn Minh Lan	x	BSCKII	Nội khoa	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
2	**Nội chung**					
		Nguyễn Anh Dũng		BSCKII	Nội khoa	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
		Đinh Thị Phương Lan	x	BSCKII	Nội Khoa	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
3	**Ngoại khoa**					
		Trần Minh Cảnh		BSCKII	Ngoại & PTTH	BV Trẻ em HP
		Nguyễn Đức Thành	x	TS	Ngoại & PTTH	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
		Phan Thị Tuyết Lan	x	BSCKII	Ngoại & PTTH	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
4	**Ngoại tiêu hóa**	Bùi Văn Chiến	x	PGS.TS	Ngoại & PTTH	BV Trẻ em HP
5	**Nhi khoa**					
		Nguyễn Thị Mỹ Lệ	x	BSCKII	Nhi Khoa	Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng
		Nguyễn Thị Ánh Hường	x	BSCKII	Nhi Khoa	Phòng
6	**Sản phụ khoa**					
		Vũ Quang Vinh	x	TS	Sản Phụ khoa	Bệnh viện Phụ sản HP
		Phan Quang Anh	x	BSCKII	Sản Phụ khoa	Bệnh viện Phụ sản HP
		Vũ Đức Thăng	x	BSCKII	Sản Phụ khoa	Bệnh viện Phụ sản HP
		Phạm Thị Mai Anh	x	TS	Sản Phụ khoa	Bệnh viện Phụ sản HP
		Phạm Văn Thành	x	BSCKII	Sản Phụ khoa	Bệnh viện Phụ sản HP
7	**Quản lý y tế**					
		Nguyễn Quang Chính	x	TS	YTCC	thông HP
		Vũ Đức Long	x	PGS.TS	YTCC	ĐHYHP-Trường CĐYHP

		[illegible]	x	PGS.TS	YTCC	ĐHYHP-TTYHDP.TP
		Nguyễn Quang Hùng	x	TS	YTCC	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
		Nguyễn Ngọc Hà	x	TS	YTCC	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
		Đồng Trung Kiên	x	BSCKII	YTCC	ĐHYHP-TTYHDP.TP
		Nguyễn Hồng Đạo	x	BSCKII	YTCC	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
		Trần Thị Thu Hạnh	x	BSCKII	YTCC	Trưởng phòng KHTH - BV
		Mạc Huy Tuấn	x	BSCKII	YTCC	GĐ BV Lao và BP HP
8	**Răng Hàm Mặt**					
9	**Tâm Thần**					
		Đoàn Hồng Quang	x	TS	Tâm thần	BV tâm thần Hải Phòng
		Đàm Đức Thắng	x	TS	Tâm thần	BV tâm thần Hải Phòng
IV	***Chuyên khoa 1***					
1	**Nội Khoa**					
		Nguyễn Hồng Huệ	x	BSCKII	Nội khoa	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
		Phạm Thị Hoài Thanh	x	BSCKII	Nội khoa	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
2	**Ngoại khoa**					
		Nguyễn Việt Dũng	x	BSCKII	Ngoại & PTTH	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
		Nguyễn Duy Tuấn	x	BSCKII	Ngoại & PTTH	BVTEHP
3	**Sản phụ khoa**					
		Lê Thị Dung	x	BSCKII	Sản Phụ khoa	BV Phụ Sản Hải Phòng
		Nguyễn Thị Mai Anh	x	BSCKII	Sản Phụ khoa	BV Phụ Sản Hải Phòng
4	**Nhi khoa**					
		Vũ Duy Hưng	x	BSCKII	Nhi Khoa	Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng
5	**Mắt**					
6	**Tai Mũi Họng**					
7	**Hóa sinh**					
8	**Răng Hàm Mặt**					
		Phan Thị Thúy Ngân	x	BSCKII	Răng Hàm Mặt	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
		Nguyễn Thị Yến	x	BSCKII	Răng Hàm Mặt	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
9	**Chẩn đoán hình ảnh**					
		Phạm Ngọc Nhiên	x	BSCKII	CĐHA	BV Hữu Nghị Việt Tiệp

		Phan Xuân Trường	x	BSCKII	Lao	BV Lao và Bệnh phổi HP
11	**Y học cổ truyền**					
12	**Y học gia đình:**					
		Đàm Quang Sơn	x	BSCKII	Nội hô hấp	BV Lao và Bệnh phổi HP
		Lê Đức Nguyên	x	BSCKII	Nội hô hấp	BV Lao và Bệnh phổi HP
		Vũ Ngọc Trường	x	BSCKII	Nội hô hấp	BV Lao và Bệnh phổi HP
13	**Y tế công cộng**					
14	**Ung bướu**					
		Phạm Thị Việt Hương	x	TS	U bướu	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
		Trần Anh Cường	x	TS	U bướu	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
		Lê Minh Quang	x	PGS.TS	U bướu	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
15	**Tâm thần**					
		Đào Thị Mai Thanh	x	BSCKII	Tâm thần	BV Tâm thần Hải Phòng
		Ngô Thị Thu Hà	x	BSCKII	Tâm thần	BV Tâm thần Hải Phòng
		Phan Thị Yến	x	BSCKII	Tâm thần	BV Tâm thần Hải Phòng
		Nguyễn Thị Ngọc Vân	x	BSCKII	Tâm thần	BV Tâm thần Hải Phòng
16	**CK1 XNYH**					
		Trần Đức	x	TS	XNYH	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
		Đào Văn Tùng	x	TS	XNYH	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
		Nguyễn Thị Thu Hiền	x	BSCKII	Huyết học	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
		Hoàng Văn Phóng	x	TS	Huyết học	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
		Lưu Vũ Dũng	x	TS	Xét Nghiệm	BV Phụ Sản Hải Phòng
		Đỗ Ngọc Hải	x	TS	Xét Nghiệm	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
17	**Giây mê hồi sức**					
		Cao Thị Bích Hạnh	x	PGS.TS	GMHS	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
		Ngô Quốc Dinh	x	BSCKII	GMHS	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
V	***Bác sĩ nội trú***					
1	**Nội Khoa**					
		Lê Văn Thiệu	x	PGS.TS	Nội Khoa	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
		Nguyễn Thắng Toản	x	TS	Nội khoa	BV Hữu Nghị Việt Tiệp
2	**Ngoại khoa**					
		Đặng Quốc Hùng	x	BSCKII	Ngoại & PTTH	BV Trẻ em HP

		Phạm Văn Trung	x	TS	Ngoại & PTTH	BV Trẻ em HP
		Bùi Văn Chiến	x	PGS.TS	Ngoại & PTTH	BV Trẻ em HP
3	**Sản phụ khoa**					
		Vũ Thị Bích Loan	x	TS	Sản phụ khoa	Bệnh viện Phụ sản HP
		Bùi Thị Minh Thu	x	BSCKII	Sản phụ khoa	Bệnh viện Phụ sản HP
		Vũ Văn Tâm	x	PGS.TS	Sản Phụ khoa	Bệnh viện Phụ sản HP
		Trần Văn Mạnh	x	BSCKII	Sản phụ khoa	Bệnh viện Phụ sản HP
4	**Nhi khoa**					
		Nguyễn Tuấn Tú	x	BSCKII	Nhi khoa	BV Trẻ em HP
		Dương Văn Đoàn	x	BSCKII	Nhi khoa	BV Trẻ em HP
		Đoàn Quốc Khánh	x	BSCKII	Nhi khoa	BV Trẻ em HP
		Lê Thị Minh Luyến	x	BSCKII	Nhi khoa	BV Trẻ em HP
		Vũ Hữu Quyền	x	BSCKII	Nhi khoa	BV Trẻ em HP
		Phó Nhật Tân	x	BSCKII	Nhi khoa	BV Trẻ em HP
		Vũ Duy Hưng	x	BSCKII	Nhi khoa	BV Trẻ em HP
		Hoàng Ngọc Anh	x	BSCKII	Nhi Khoa	BV Trẻ em HP
VI	***Đại học chính quy***					
1	Ngành….	……..				
		…..				
2	Ngành….	…..				
….	…….	……				
	Tổng					

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2020

Hiệu trưởng

Ký tên và đóng dấu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

Người lập bảng

Họ tên: Đinh Văn Thức

Chữ ký:

Điện thoại: 0793206669

Email: dvthuc@hpmu.edu.vn

Biểu mẫu 09: BCTS-CSTH

BÁO CÁO SỐ CƠ SỞ THỰC HÀNH
THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO

(Theo quy định tại Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ)

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Cơ sở thực hành theo quy định tại khoản 2, điều 10, Nghị định 111/2017/NĐ-CP					Tên cơ sở thực hành khác		
		Tên cơ sở thực hành	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định *(Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)*	Đường link để tải Bản công bố của cở sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định	Danh sách các giảng viên thỉnh giảng (của cơ sở thực hành) được công bố theo từng ngành/chuyên ngành, từng trình độ (chỉ khai đối với CKI/CKII/BSNT)	Danh sách giảng viên của cơ sở giáo dục có đăng ký hành nghề tại cơ sở thực hành và được cơ sở thực hành bố trí làm công tác khám bệnh chữa bệnh theo quy định	Tên cơ sở thực hành khác	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định *(Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)*	Đường link để tải Bản công bố của cở sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định
I	***Tiến sỹ***						*BV*		
1	YTCC						trường		
2	Nhi khoa						ĐH Y		
3	Nội Hô Hấp						HP		
4	Ngoại Tiêu Hóa						Trung		

II	**Thạc sỹ**						tâm		
1	YTCC						y		
2	Nội khoa						học		
3	Ngoại khoa						dự		
4	Nhi khoa						phòng		
5	Y học biển						TP		
6	Kỹ thuật xét nghiệm						HP		
	Tổng						Trung		
1.3.	***Chuyên khoa 2***						tâm		
1	*Chuyên khoa 2*						truyền		
	Nội Hô hấp	BV Hữu nghị Việt Tiệp	Đã công bố	http://soytehaiphong.gov.vn/soytehpg/1283/30605/53500/DS-co-so-dap-ung-co-so-thuc-hanh-dao-tao-khoi-nganh-suc-khoe/	Nguyễn Minh Lan	Trần Quang Phục	thông		
2				http://soytehaiphong.gov.vn/soytehpg/1283/30605/53500/DS-co-so-dap-ung-co-so-thuc-hanh-dao-tao-khoi-nganh-suc-khoe/			HP		
	Nội chung	BV Hữu nghị Việt Tiệp	Đã công bố		Đinh Thị Phương Lan				
			Đã công bố		Nguyễn Anh Dũng	Đỗ Thị Tính			
3	Ngoại tiêu hóa	BV Hữu nghị Việt Tiệp	Đã công bố						
			Đã công bố		Buì Văn Chiến				
4	Ngoại khoa	BV Hữu nghị Việt Tiệp	Đã công bố		Nguyễn Đức Thành				
			Đã công bố		Phan Thị Tuyết Lan				
			Đã công bố		Trần Minh Cảnh				
5	Nhi khoa	BV Trẻ em HP	Đã công bố		Nguyễn Thị Mỹ Lệ				
			Đã công bố		Nguyễn Thị Ánh Hườ	Đinh Văn Thức			
6		BV Phụ sản HP	Đã công bố		Vũ Quang Vinh				
					Phan Quang Anh				
	Sản phụ khoa		Đã công bố		Vũ Đức Thăng				
			Đã công bố		Phạm Thị Mai Anh				
			Đã công bố		Phạm Văn Thành				

7	Quản lý y tế	BV Hữu nghị Việt Tiệp	Đã công bố	Nguyễn Quang Hùng	Trần Văn Tâm
			Đã công bố	Nguyễn Ngọc Hà	Nguyễn Đức Thọ
			Đã công bố	Nguyễn Hồng Đạo	Hoàng Thị Giang
			Đã công bố	Trần Thị Thu Hạnh	Phạm Minh Khuê
			Đã công bố	Mạc Huy Tuấn	Nguyễn Thị Thu Thảo
				Nguyễn Quang Chính	
				Vũ Đức Long	
				Đỗ Mạnh Cường	
				Đồng Trung Kiên	
8	Răng Hàm Mặt	BV Hữu nghị Việt Tiệp	Đã công bố		Phạm Văn Liệu
			Đã công bố		Vũ Quang Hưng
9	Tâm thần	BV Tâm thần HP	Đã công bố	Đàm Đức Thắng	
			Đã công bố	Đoàn Hồng Quang	Phạm Văn Mạnh
1	***Chuyên khoa 1***		Đã công bố		
1	Nội Khoa	BV Hữu nghị Việt Tiệp	Đã công bố	Nguyễn Hồng Huệ	
			Đã công bố	Phạm Thị Hoài Thanh	
			Đã công bố		Nguyễn Thanh Hồi
2	Ngoại khoa	BV Hữu nghị Việt Tiệp	Đã công bố	Nguyễn Việt Dũng	
			Đã công bố	Nguyễn Duy Tuấn	
3	Sản phụ khoa	BV Phụ sản HP	Đã công bố	Lê Thị Dung	
				Nguyễn Thị Mai Anh	
			Đã công bố		
4	Nhi khoa	BV Trẻ em HP	Đã công bố	Vũ Duy Hưng	
			Đã công bố		Đinh Dương Tùng Anh
5	Mắt	BV Hữu nghị Việt Tiệp	Đã công bố		Nguyễn Thị Nhụn
			Đã công bố		

6	Tai Mũi Họng	BV Hữu nghị Việt Tiệp	Đã công bố			Vũ Văn Sản			
			Đã công bố						
7	Hóa sinh	BV Hữu nghị Việt Tiệp	Đã công bố						
8	Răng Hàm Mặt:	BV Hữu nghị Việt Tiệp			Phan Thị Thúy Ngân				
			Đã công bố		Nguyễn Thị Yến	Nguyễn Thị Thu Hà			
			Đã công bố			Trần Thị An Huy			
			Đã công bố			Phạm Thanh Hải			
9	Chẩn đoán hình ả	BV Hữu nghị Việt Tiệp	Đã công bố		Phạm Ngọc Nhiên				
			Đã công bố			Hoàng Đức Hạ			
			Đã công bố						
10	Lao	BV Phổi HP	Đã công bố		Phan Xuân Trường				
			Đã công bố			Nguyễn Huy Điện			
			Đã công bố						
			Đã công bố						
11	Y học cổ truyền		Đã công bố			Nguyễn Thị Thu Hiền			
		BV YHCT HP	Đã công bố			Đoàn Mỹ Hạnh			
			Đã công bố			Phạm Thị Anh			
			Đã công bố			Nguyễn Thị Thu Phương			
			Đã công bố			Nguyễn Văn Hùng			
12	Y học gia đình:	BV Hữu nghị Việt Tiệp	Đã công bố		Đàm Quang Sơn				
			Đã công bố		Lê Đức Nguyên	Phạm Huy Quyến			
			Đã công bố		Vũ Ngọc Trường	Trịnh Thị Lý			
13	Y tế công cộng	BV Hữu nghị Việt Tiệp	Đã công bố		Nguyễn Quang Chính				

14	Ung bướu	BV Hữu nghị Việt Tiệp	Đã công bố		Phạm Thị Việt Hương				
			Đã công bố		Trần Anh Cường				
			Đã công bố		Lê Minh Quang				
			Đã công bố			Nguyễn Lam Hòa			
15	Tâm thần	Bv Tâm thần HP	Đã công bố		Đào Thị Mai Thanh				
			Đã công bố		Ngô Thị Thu Hà				
			Đã công bố		Phan Thị Yến	Nguyễn Thị Thu Huyền			
			Đã công bố		Nguyễn Thị Ngọc Vân				
16	XNYH	BV Hữu nghị Việt Tiệp	Đã công bố		Trần Đức	Võ Thị Thanh Hiền			
			Đã công bố		Đào Văn Tùng	Vũ Văn Thái			
			Đã công bố		Nguyễn Thị Thu Hiền	Bạch Thị Như Quỳnh			
			Đã công bố		Hoàng Văn Phóng	Phạm Thị Thu Trang			
			Đã công bố		Lưu Vũ Dũng				
			Đã công bố		Đỗ Ngọc Hải				
17	Gây mê hồi sức	BV Hữu nghị Việt Tiệp	Đã công bố		Cao Thị Bích Hạnh				
					Ngô Quốc Dinh				
V	***Bác sĩ nội trú***		Đã công bố						
1	Nội Khoa		Đã công bố		Lê Văn Thiệu	Vũ Mạnh Tân			
		BV Hữu nghị Việt Tiệp	Đã công bố		Nguyễn Thắng Toản				
			Đã công bố						
2	Ngoại khoa	BV Hữu nghị Việt Tiệp	Đã công bố		Đặng Quốc Hùng	Nguyễn Ngọc Hùng			
			Đã công bố		Bùi Văn Chiến				
			Đã công bố		Phạm Văn Trung				
3	Sản phụ khoa	BV Phụ Sản HP	Đã công bố		Vũ Thị Bích Loan				
			Đã công bố		Bùi Thị Minh Thu				
			Đã công bố		Vũ Văn Tâm				

			Đã công bố	Trần Văn Mạnh				
			Đã công bố					
4			Đã công bố	Nguyễn Tuấn Tú	Vũ Văn Quang			
			Đã công bố	Dương Văn Đoàn				
			Đã công bố	Đoàn Quốc Khánh				
	Nhi khoa	BV Trẻ em HP	Đã công bố	Lê Thị Minh Luyến				
			Đã công bố	Vũ Hữu Quyền				
			Đã công bố	Phó Nhật Tân				
			Đã công bố	Vũ Duy Hưng				
			Đã công bố	Hoàng Ngọc Anh				
VI	***Đại học chính quy***							
1	- Ngành …							
2	…..							
…								
	Tổng							
VII	***Đại học liên thông***							
1	- Ngành …							
2	……							
…								
	Tổng							
	Tổng							

Hải phòng., ngày 28 tháng 02 năm 2020

Hiệu trưởng

Ký tên và đóng dấu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

Người lập bảng:

Họ tên: Đinh Văn Thức

Chữ ký:

Điện thoại: 0793206669

Email: dvthuc@hpmu.edu.vn

Biểu mẫu 11: BCTS-THCTTS

BẢNG TỔNG HỢP XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA, BÁC SĨ NỘI TRÚ NĂM 2020

Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

TT	Trình độ, tên từng chuyên ngành	Tổng quy mô đào tạo tại thời điểm xác định chỉ tiêu tuyển sinh	Dự kiến số học viên tốt nghiệp năm 2020	Số học viên còn lại	Chỉ tiêu đề xuất 2020	Tổng quy mô đào tạo dự kiến 2020	Số lượng GV cơ hữu	Số lượng GV thỉnh giảng theo hướng dẫn của Bộ Y tế	Tổng giảng viên	Tổng quy mô đào tạo tính theo năng lực đội ngũ giảng viên	Chỉ tiêu được tuyển sinh năm 2020 của Cơ sở đào tạo
		(1)	(2)	(3) = (1-2)	(4)	(5) = (3+ 4)	(6)	(7)	(8) = (6+ 7)	(9)	(10) = (9-3)
I	*CHUYÊN KHOA 2*									(9) = 8*3	
1	Nội hô hấp	0	0	0	6	6	1	1	2	6	6
2	Nội tim mạch	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Nội khoa	4	2	2	7	9	1	2	3	9	7
4	Sản phụ khoa	21	17	4	11	15	0	5	5	15	11
5	Ngoại CTCH	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Ngoại tiêu hóa	0	0	0	3	3	0	1	1	3	3
7	Ngoại khoa	6	2	4	5	9	0	3	3	9	5
8	QLYT	56	33	23	19	42	5	9	14	42	19
9	Nhi Thận-Tiết niệu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Nhi khoa	9	4	5	4	9	1	2	3	9	4
11	Nhi hô hấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Răng hàm mặt	12	8	4	2	6	2	0	2	6	2
13	Tâm thần	5	0	5	4	9	1	2	3	9	4
	Tổng	**113**	**66**	**47**	**61**	**108**	**11**	**25**	**36**	**108**	**61**

II	***BÁC SĨ NỘI TRÚ***									**(9) = 8*3**	
1	Nội khoa	9	2	7	2	9	1	2	3	9	2
2	Ngoại khoa	11	5	6	6	12	1	3	4	12	6
3	Sản khoa	12	5	7	5	12	0	4	4	12	5
4	Nhi khoa	23	4	19	8	27	1	8	9	27	8
	Tổng	**55**	**16**	**39**	**21**	**60**	**3**	**17**	**20**	**60**	**21**
III	***CHUYÊN KHOA 1***									**(9) = 8*10**	
1	Nội khoa	29	15	14	16	30	1	2	3	30	16
2	Ngoại khoa	7	1	6	14	20	0	2	2	20	14
3	Sản phụ khoa	13	5	8	12	20	0	2	2	20	12
4	Nhi khoa	14	7	7	13	20	1	1	2	20	13
5	Mắt	5	0	5	5	10	1	0	1	10	5
6	Tai Mũi Họng	13	9	4	6	10	1	0	1	10	6
7	Hóa sinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Răng Hàm Mặt	50	12	38	12	50	3	2	5	50	12
9	Chẩn đoán hình ảnh	27	7	20	0	20	1	1	2	20	0
10	Lao	6	6	0	20	20	1	1	2	20	20
11	Y học cổ truyền	40	13	27	23	50	5	0	5	50	23
12	Y học gia đình	30	30	0	50	50	2	3	5	50	50
13	U bướu	1	0	1	39	40	1	3	4	40	39
14	Tâm thần	30	1	29	21	50	1	4	5	50	21
15	Xét nghiệm y học	66	33	33	57	90	4	6	10	100	67
16	Gây mê hồi sức	11	1	10	10	20	0	2	2	20	10
	Tổng	**342**	**140**	**202**	**298**	**500**	**22**	**29**	**51**	**510**	**308**

Biểu mẫu 12. BCQM-SVHV

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SINH VIÊN, HỌC VIÊN NĂM 2019-2020

(Áp dụng đối với các cơ sở đào tạo trực thuộc Bộ Y tế)

STT	Loại hình đào tạo	Năm vào	Năm ra	Tổng chỉ tiêu		Trong đó: Chỉ tiêu ngân sách		Địa chỉ SI	Cử tuyển
				Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện		
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
	Tổng cộng								
1	**1 năm (chi tiết theo từng loại hình đào tạo)**				Không đào tạo				
	Thạc sỹ hệ 1 năm	2018	2019						
	Thạc sỹ hệ 1 năm	2019	2020						
	Thạc sỹ hệ 1 năm	2020	2021						
	Có mặt 01/01/2019								
	Ra 2019								
	Vào 2019								
	Bình quân 2019								
	Có mặt 01/01/2020								
	Ra 2020								
	Vào 2020								
	Bình quân 2020								
2	**1,5 năm (chi tiết theo từng loại hình đào tạo)**				Không đào tạo				
	Thạc sỹ hệ 1,5 năm	2017	2019						
	Thạc sỹ hệ 1,5 năm	2018	2020						
	Thạc sỹ hệ 1,5 năm	2019	2021						
	Thạc sỹ hệ 1,5 năm	2020	2022						
	Có mặt 01/01/2019								
	Ra 2019								
	Vào 2019								
	Bình quân 2019								
	Có mặt 01/01/2020								
	Ra 2020								
	Vào 2020								
	Bình quân 2020								
3	**2 năm (chi tiết theo từng loại hình đào tạo)**								
a	**Cao học tập trung (02 năm)**								

		2017	2019	120	57	120	57		0
		2018	2020	120	48	120	48		0
		2019	2021	90	56	90	56		0
	Có mặt 01/01/2019			240	105	240	105		
	Ra 2019			120	57	120	57		
	Vào 2019			120	56	120	56		
	Bình quân 2019			240	105	240	105		
	Có mặt 01/01/2020			210	104	210	104		
	Ra 2020			120	41	120	41		
	Vào 2020			62	62	62	62		
	Bình quân 2020			187	112	187	112		
b	**Chuyên khoa 1 tập trung (02 năm)**								
		2017	2019	150	133	150	133		0
		2018	2020	180	140	180	140		0
		2019	2021	294	204	294	204		0
	Dự kiến	2020	2022	308	308	308	308		0
	Có mặt 01/01/2019			330	273	330	273		
	Ra 2019			150	133	150	133		
	Vào 2019			294	204	294	204		
	Bình quân 2019			388	301	388	301		
	Có mặt 01/01/2020			474	344	474	344		
	Ra 2020			180	140	180	140		
	Vào 2020			308	308	308	308		
	Bình quân 2020			437	350	437	350		
c	**Chuyên khoa 2 tập trung (02 năm)**								
		2017	2019	60	20	60	20		0
		2018	2020	85	66	85	66		0
		2019	2021	68	48	68	48		0
	Dự kiến	2020	2022	61	61	61	61		0
	Có mặt 01/01/2019			145	86	145	86		
	Ra 2019			60	17	60	17		
	Vào 2019			68	47	68	47		
	Bình quân 2019			148	98	148	98		
	Có mặt 01/01/2020			153	114	153	114		
	Ra 2020			85	66	85	66		
	Vào 2020			61	61	61	61		
	Bình quân 2020			143	112	143	112		

4	**3 năm (chi tiết theo từng loại hình đào tạo)**								
a	**Bác sĩ nội trú**								
		2016	2019	20	14	20	14		0
		2017	2020	20	18	20	18		0
		2018	2021	20	18	20	18		0
		2019	2022	21	19	21	19		0
	Dự kiến	2020	2023	21	21	21	21		0
	Có mặt 01/01/2019			60	50	60	50		
	Ra 2019			20	14	20	14		
	Vào 2019			19	19	19	19		
	Bình quân 2019			60	52	60	52		
	Có mặt 01/01/2020			61	55	61	55		
	Ra 2020			18	18	18	18		
	Vào 2020			21	21	21	21		
	Bình quân 2020			62	56	62	56		
b	**Nghiên cứu sinh hệ 3 năm**				Chỉ tiêu NCS của năm 3 và năm 4 chung nhau				
		2016	2019	20	5	20	6		
		2017	2020	25	6	25	7		
		2018	2021	25	2	25	2		
		2019	2022	25	1	25	1		
	Dự kiến	2020	2023	14	3	14	3		
	Có mặt 01/01/2019			70	16	70	18		
	Ra 2019			10	1	10	1		
	Vào 2019			25	1	25	1		
	Bình quân 2019			76	16	76	18		
	Có mặt 01/01/2020			95	17	95	19		
	Ra 2020			20	15	20	15		
	Vào 2020			14	6	14	6		
	Bình quân 2020			93	13	93	15		
5	**4 năm (chi tiết theo từng loại hình đào tạo)**				Chỉ tiêu NCS của năm 3 và năm 4 chung nhau				
a	**Nghiên cứu sinh hệ 4 năm**								
		2015	2019	10	3	10	3		0
		2016	2020	20	5	20	5		0
		2017	2021	25	5	25	5		0
		2018	2022	25	1	25	1		0
		2019	2023	25	0	25	0		0
	Dự kiến	2020	2024	14	3	14	3		0

	Có mặt 01/01/2019			80	18	80	14		
	Ra 2019			10	3	10	4		
	Vào 2019			25	0	0	0		
	Bình quân 2019			86	17	76	12		
	Có mặt 01/01/2020			105	18	105	12		
	Ra 2020			20	15	20	15		
	Vào 2020			12	6	12	6		
	Bình quân 2020			102	14	102	9		
b	**Điều dưỡng, Kỹ thuật**	2016	2019	0	0				
		2017	2020	40	38	40	38		
		2018	2021	372	368	372	7		
		2019	2022	450	148	450	10		
		2020	2023	450	450	450	450		
	Có mặt 01/01/2019			412	406	412	45	0	0
	Ra 2019			0	0	0	0	0	0
	Vào 2019			450	148	450	10	0	0
	BQ 2019			592	465	592	49	0	0
	Có mặt 01/01/2020			862	554	862	55	0	0
	Ra 2020			40	38	40	38	0	0
	Vào 2020			450	450	450	450	0	0
	BQ 2020			1.026	719	1.026	220	0	0
6	**4 năm (chi tiết theo từng loại hình đào tạo)**								
a	**Cử nhân chính quy**	2015	2019	110	80				
		2016	2020	140	95				
		2017	2021	160	133				
		2018	2022	180	181				
		2019	2023	230	210				
		2020	2024	230	230				
	Có mặt 01/01/2019			590	489	0	0	0	0
	Ra 2019			110	80	0	0	0	0
	Vào 2019			230	210	0	0	0	0
	BQ 2019			372	309	0	0	0	0
	Có mặt 01/01/2020			710	619	0	0	0	0
	Ra 2020			140	95	0	0	0	0
	Vào 2020			230	230	0	0	0	0
	BQ 2020			446	390	0	0	0	0
b	**Cử nhân vừa học vừa**	2015	2019						

		2016	2020	541	538	541	134		
		2017	2021	310	304	310	129		
		2018	2022	40	38	40	2		
		2019	2023	0	0	0	0		
		2020	2024	0		0			
	Có mặt 01/01/2019			891	880	891	265	0	0
	Ra 2019			0	0	0	0	0	0
	Vào 2019			0	0	0	0	0	0
	BQ 2019			891	880	891	265	0	0
	Có mặt 01/01/2020			891	880	891	265	0	0
	Ra 2020			541	538	541	134	0	0
	Vào 2020			0	0	0	0	0	0
	BQ 2020			675	665	675	211	0	0
c	**Bác sĩ, dược sĩ liên thô**	2015	2019	359	355				
		2016	2020	200	239	200	0	198	
		2017	2021	140	116	140	41		
		2018	2022	430	444	430	4	325	
		2019	2023	120	12	120	12		
		2020	2024	120	120	120	120		
	Có mặt 01/01/2019			1.129	1.154	770	45	523	0
	Ra 2019			359	355	0	0	0	0
	Vào 2019			120	12	120	12	0	0
	BQ 2019			1.033	1.017	818	50	523	0
	Có mặt 01/01/2020			890	811	890	57	523	0
	Ra 2020			200	239	200	0	198	0
	Vào 2020			120	120	120	120	0	0
	BQ 2020			858	763	858	105	444	0
7	**5 năm (chi tiết theo từng loại hình đào tạo)**								
	Dược sĩ đại học chính	2014	2019	60	48				
		2015	2020	60	55				
		2016	2021	100	81				
		2017	2022	100	102				

		2018	2023	100	108				
		2019	2024	120	117				
		2020	2025	120	120				
	Có mặt 01/01/2019			420	394	0	0	0	0
	Ra 2019			60	48	0	0	0	0
	Vào 2019			120	117	0	0	0	0
	BQ 2019			444	422	0	0	0	0
	Có mặt 01/01/2020			480	463	0	0	0	0
	Ra 2020			60	55	0	0	0	0
	Vào 2020			120	120	0	0	0	0
	BQ 2020			504	489	0	0	0	0
8	**6 năm (chi tiết theo từng loại hình đào tạo)**								
	Bác sĩ chính quy các ng	2013	2019	550	639				15
	YH cổ truyền, Y học dự	2014	2020	550	511				25
		2015	2021	600	678				19
		2016	2022	680	539				4
		2017	2023	740	690				**0**
		2018	2024	820	805				0
		2019	2025	790	753				0
		2020	2026	790	790				
	Có mặt 01/01/2019			3.940	3.862	0	0	0	63
	Ra 2019			550	639	0	0	0	15
	Vào 2019			790	753	0	0	0	0
	BQ 2019			4.036	3.908	0	0	0	57
	Có mặt 01/01/2020			4.180	3.976	0	0	0	48
	Ra 2020			550	511	0	0	0	25
	Vào 2020			790	790	0	0	0	0
	BQ 2020			4.276	4.088	0	0	0	38
	Tổng số HSBQ năm 2019 của các loại hình đào tạo			**7.630**	**7.075**	**2.553**	**436**	**523**	**57**
	Tổng số HSBQ năm 2020 của các loại hình đào tạo			**8.077**	**7.797**	**2.851**	**657**	**444**	**38**